

Giải pháp hỗ trợ giảm thiểu rủi ro trong cho vay hộ gia đình nông thôn trong xây dựng nông thôn mới tại Việt Nam

Tô Ngọc Hưng
Nguyễn Đức Trung

Ngày nhận: 05/10/2017

Ngày nhận bản sửa: 10/10/2017

Ngày duyệt đăng: 24/10/2017

Nhận thức rõ tầm quan trọng của kinh tế nông thôn trong tổng thể nền kinh tế, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản luật và chính sách hỗ trợ tích cực cho sự phát triển nông nghiệp- nông thôn, đặc biệt là văn bản đề cập tới chương trình “Xây dựng nông thôn mới”. Với vị thế quan trọng của mình, khu vực nông nghiệp nông thôn đã đón nhận nhiều nguồn vốn đầu tư từ ngân sách, vốn tín dụng thương mại, vốn tín dụng ưu đãi, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài...

Mặc dù đã đạt được những thành quả quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của khu vực nông nghiệp- nông thôn, góp phần xóa đói giảm nghèo cũng như cải thiện đời sống của nông dân, tín dụng nông thôn và đặc biệt tín dụng cho hộ gia đình vẫn còn tồn tại nhiều bất cập và hạn chế. Tỷ trọng tín dụng cho khu vực nông thôn vẫn thấp so với mức bình quân chung của toàn ngành. Không những vậy, các giải pháp tín dụng hiện tại mang hình thức trợ cấp và hỗ trợ tạm thời hơn là thúc đẩy một cách bền vững tăng trưởng tín dụng cho nông thôn cũng như hiệu quả sản xuất kinh doanh của hộ gia đình, nhất là trong xây dựng nông thôn mới. Nghiên cứu này đưa các định hướng chính sách tín dụng cho hộ gia đình nông thôn trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới trước khi đưa ra các nhóm giải pháp nhằm giảm thiểu rủi ro trong cho vay lĩnh vực nông nghiệp- nông thôn tại Việt Nam.

Từ khóa: nông thôn mới, cho vay, rủi ro, hộ gia đình

1. Định hướng chính sách tín dụng cho hộ gia đình

nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

Thứ nhất, tiếp tục xác định nông nghiệp nông thôn là một

trong những lĩnh vực ưu tiên trong chính sách tín dụng. Xây dựng nông thôn mới, tái cơ cấu ngành nông nghiệp là những đường lối chính sách quan trọng tác động tới gần 70% dân số của Việt Nam, góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nói chung. Do đó, chủ trương, chính sách ưu tiên cấp tín dụng cho khu vực này cần được tiếp tục đẩy mạnh. Thời gian qua, lĩnh vực nông nghiệp nông thôn đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) xác định là một trong những lĩnh vực ưu tiên với nhiều chính sách hỗ trợ hệ thống các tổ chức tín dụng (TCTD) cho vay lĩnh vực này.

NHNN ban hành những chính sách thúc đẩy, định hướng các ngân hàng thương mại (NHTM) đầu tư tín dụng vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; chỉ đạo các TCTD chủ động tháo gỡ khó khăn, đổi mới quy trình, thủ tục cho vay nhằm tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng đối với lĩnh vực này là rất cần thiết. NHNN đã quy định trần lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn thấp hơn lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực sản xuất thông thường khác. Đồng thời, NHNN chỉ đạo các TCTD thực hiện các giải pháp về đảm bảo nguồn vốn, giảm lãi suất, cơ cấu thời hạn trả nợ, đơn giản hóa các thủ tục hành chính đối với những khách hàng nông dân vay vốn chịu tác động bởi thời tiết.

NHNN cũng xây dựng, khuyến khích các NHTM triển khai một số chương trình tín dụng

đặc thù đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn như mô hình cho vay liên kết, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, chính sách cho vay đối với chăn nuôi, thủy sản, cà phê. Ngoài ra là việc hỗ trợ các TCTD có tỷ trọng cho vay nông nghiệp, nông thôn lớn (từ 40% trở lên) thông qua tái cấp vốn và giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc; tạo điều kiện cho các TCTD mở rộng mạng lưới tại các vùng sâu, vùng xa, các địa bàn nông nghiệp, nông thôn phù hợp với điều kiện thực tế để đáp ứng nhu cầu vốn cho phát triển sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Những chính sách này đã tạo ra sự đột phá mới cho tín dụng nông nghiệp nông thôn trong giai đoạn 2011- 2015. Trong giai đoạn 2016- 2020, Chính phủ cần tiếp tục xác định nông nghiệp- nông thôn vẫn là lĩnh vực cần được ưu tiên cấp tín dụng thông qua các chính sách hỗ trợ, ưu đãi để giảm chi phí cho các tổ chức cung ứng nguồn vốn cho lĩnh vực này. *Thứ hai*, Nhà nước cần đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy chính sách tín dụng hiệu quả.

Việc xây dựng và quản lý các quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn, sử dụng đất, thực hiện chính sách giao đất và cấp chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ tạo thuận lợi cho các hoạt động xúc tiến đầu tư và cho vay, thế chấp trong tín dụng nông thôn. Đặc biệt, quá trình tích tụ ruộng đất cho kinh doanh lớn thông qua những điều chỉnh thích hợp và mạnh dạn về hạn điền

và thời gian, phương thức giao đất từ phía các cơ quan quản lý là hết sức cần thiết để phát triển những dự án nông nghiệp quy mô lớn, áp dụng khoa học công nghệ kỹ thuật cao.

Nhà nước thực hiện các hỗ trợ trực tiếp tài chính- tín dụng trong những trường hợp đặc biệt, như khắc phục hậu quả thiên tai, phát triển vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số; thực hiện các chương trình thí điểm xây dựng cơ sở hạ tầng nông nghiệp... Tuy nhiên, cần xác định hợp lý mức độ can thiệp của Chính phủ trong các hoạt động tín dụng nông thôn nhằm thực hiện các cam kết quốc tế. Can thiệp của Chính phủ không nhất thiết là phải cung cấp tín dụng với số lượng nhiều và giá rẻ mà có thể thực hiện dưới nhiều hình thức khác; ví dụ như cung cấp vốn, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng nông nghiệp, thực hiện các chương trình thí điểm rồi từ đó nhân rộng ra, đào tạo cán bộ cho các TCTD, hỗ trợ hoạt động của các tổ chức cho vay lưu động ở vùng khó khăn... Những biện pháp can thiệp theo cách tiếp cận cũ như áp đặt lãi suất, hạn mức cho vay có tác động không tích cực đối với sự tăng trưởng của các TCTD, và cản trở bước phát triển của thị trường tín dụng nông thôn.

Thứ ba, tăng cường đa dạng hóa các nguồn vốn cho phát triển nông nghiệp và nông thôn.

Tín dụng của hệ thống NHTM cho lĩnh vực nông nghiệp nông thôn mới chỉ đáp ứng một phần nhu cầu về vốn của

khu vực này. Bị ràng buộc bởi các tiêu chuẩn kiểm soát rủi ro ngặt nghèo, các NHTM, đặc biệt là khối ngân hàng cổ phần khó có thể tham gia tích cực vào thị trường này. Do đó, việc mở rộng tự do hóa, cùng với tăng cường tiêu chuẩn hóa và các hoạt động giám sát hoạt động của các TCTD chính thức (hệ thống ngân hàng, Quỹ tín dụng nhân dân, các tổ chức tài chính vi mô) và các kênh tín dụng phi chính thức (quan hệ vay mượn gia đình, bạn bè, người thân, hội, hội...) trong nước và nước ngoài để hỗ trợ các TCTD đa dạng hóa nguồn vốn và sản phẩm tín dụng phù hợp với trình độ phát triển và dân trí, thói quen ở mỗi địa phương. Chú trọng vào giới thiệu và phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng tiện ích tiên tiến có vai trò hết sức quan trọng.

đòi hỏi nhiều vốn có lãi suất thấp, vừa có thời gian dài phù hợp với các đối tượng cần đầu tư về kinh tế trang trại. Ngoài ra, vấn đề quan trọng là có chính sách thu hút và mở rộng quy mô hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô trong nước và quốc tế để mở rộng cho vay hộ sản xuất, hộ nghèo; tạo cầu nối giữa tín dụng chính thức và tín dụng phi chính thức. Việc thu hút và mở rộng quy mô của các tổ chức tài chính vi mô, nhất là đối với các tổ chức nước ngoài có ý nghĩa quan trọng trong việc tăng nguồn vốn cho phát triển nông nghiệp, nông thôn. Khu vực chính thức có nguồn vốn dồi dào hơn và có thể cho vay với lãi suất thấp; còn khu vực phi chính thức (quan hệ vay mượn gia đình, bạn bè, người thân, hội, hội...) có cơ chế hoạt động linh hoạt, nhanh

dụng nhân dân, Ngân hàng Chính sách xã hội là nền tảng để mở rộng nguồn vốn tín dụng tại khu vực nông nghiệp nông nghiệp. Cụ thể, cần có chính sách hỗ trợ các TCTD này tăng vốn điều lệ theo chiến lược phát triển của từng tổ chức, và các chính sách hỗ trợ nhất định để tạo điều kiện cho các định chế tài chính này có thể mở rộng hơn nữa mạng lưới cho vay ở các vùng sâu, vùng xa nhằm tăng cường tính bền vững trong hoạt động của các định chế tài chính nông thôn. Đối với các hợp tác xã tín dụng cần phải hoàn thiện công tác quản lý tài chính, nâng cao năng lực xây dựng kế hoạch kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tế của mình. Các TCTD cần tăng cường khả năng thẩm định dự án, phương án sản xuất kinh doanh nhằm giảm rủi ro trong quá trình thu

Những biện pháp can thiệp theo cách tiếp cận cũ như áp đặt lãi suất, hạn mức cho vay có tác động không tích cực đối với sự tăng trưởng của các TCTD, và cản trở bước phát triển của thị trường tín dụng nông thôn

Cần có chính sách khuyến khích, khai thác triệt để các nguồn vốn ủy thác từ các định chế tài chính quốc tế, các ngân hàng nước ngoài, các tổ chức phi Chính phủ. Đây là nguồn vốn thường được đầu tư dự án phát triển theo loại cây, con hoặc theo vùng, tiểu dự án. Các nguồn vốn ủy thác từ nước ngoài có tính chất ổn định trong một thời gian dài, rất phù hợp với nhu cầu cho vay trung, dài hạn phục vụ cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn đang

nhảy. Nhiều chương trình tín dụng nông thôn trên thế giới đã thành công nhờ biết cách phối hợp cả hai khu vực trong việc cung cấp dịch vụ tài chính cho nông thôn.

Thứ tư, tăng cường năng lực tài chính, quản trị rủi ro và đổi mới hoạt động của các TCTD nông nghiệp- nông thôn. Tái cấu trúc và tăng vốn điều lệ, tăng năng lực tài chính cho các TCTD tham gia cho vay nông nghiệp nông thôn; nhất là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Việt Nam, Quỹ tín

hội nợ và tránh bỏ qua nhiều dự án tốt, nhiều phương án kinh doanh khả thi làm lỡ mất cơ hội kinh doanh của ngân hàng. Tiến hành đổi mới toàn diện mô hình tổ chức, mạng lưới kinh doanh theo mô hình NHTM hiện đại, tinh giảm trung gian, tăng năng lực cho các đơn vị trực tiếp kinh doanh; đơn giản hoá các thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng khách hàng là nông dân; đào tạo cán bộ nhân viên theo hướng chuyên môn hoá; tăng cường cơ sở vật chất kỹ

thuật, hiện đại hoá công nghệ; chuyên đổi hệ thống kế toán theo chuẩn mực quốc tế, xây dựng hệ thống thông tin quản lý hiện đại.

Thứ năm, chính sách tín dụng cần hướng tới mở rộng sản phẩm, dịch vụ tài chính và phương thức cho vay. Sản phẩm tài chính đối với khu vực nông nghiệp nông thôn hiện nay chủ yếu là tín dụng truyền thống, các dịch vụ thanh toán, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm tín dụng nông nghiệp còn rất hạn chế, gần như mới phát triển ở mức thử nghiệm, sản phẩm tín dụng của ngân hàng chưa bao gồm các dịch vụ hỗ trợ đi kèm, các công cụ đầu tư tài chính chuyên nghiệp hầu như chưa có. Trong khi đó, nhu cầu tín dụng của khu vực nông nghiệp nông thôn rất đa dạng bởi họ vừa là hộ sản xuất kinh doanh vừa là hộ tiêu dùng. Việc thúc đẩy tín dụng đối với khu vực nông thôn chỉ mang lại hiệu quả khi có những sản phẩm được thiết kế và triển khai một cách phù hợp với nhu cầu của từng nhóm khách hàng. Cải thiện số lượng các loại hình dịch vụ sẵn có, tính hiệu quả và chi phí của các dịch vụ tài chính góp phần cải thiện chỉ số tiếp cận tín dụng tại khu vực nông thôn. Xử lý các vấn đề về chính sách, pháp lý và thể chế vốn đang gây ra tình trạng kém hiệu quả trong việc huy

động và sử dụng các nguồn lực tài chính sẽ tạo điều kiện mở rộng sự sẵn có của loại hình dịch vụ này.

Các phương thức cho vay cũng cần được kết hợp linh hoạt hơn như phương thức cho vay dự án đầu tư, cho vay hạn mức tín dụng, cho vay hợp vốn... nhằm giúp cho người nông dân chủ động hơn trong việc sử dụng vốn phù hợp với chu kỳ sản xuất trong nông nghiệp, giảm thiểu các thủ tục vay, tiết kiệm được các chi phí gián tiếp khi tiếp cận nguồn vốn của ngân hàng. Đặc biệt, phát triển loại hình tín dụng cho thuê tài chính trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Mở rộng thị trường cho thuê tài chính nông thôn nhằm khắc phục hạn chế về tài sản đảm bảo nợ vay (cho vay không cần tài sản thế chấp như vay ngân hàng). Hoạt động cho thuê tài chính giúp các hộ sản xuất đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ với qui mô vốn lớn, thời gian cho thuê trung, dài hạn (5- 10 năm) đáp ứng nhu cầu vốn, thực hiện cơ giới hóa nông nghiệp, nông thôn.

Thứ sáu, chính sách tín dụng cho hộ gia đình nông thôn phải đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với các chính sách phát triển nông nghiệp nông thôn khác. Mở rộng tiếp cận đối với hộ gia đình nhằm phát triển hoạt động kinh doanh, cải thiện đời sống có mối quan hệ mật

thiết với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước cũng như công cuộc xây dựng nông thôn mới. Chính sách tín dụng phải hướng tới việc phát huy tối đa hiệu quả của nguồn vốn cung cấp cho các hộ gia đình. Đồng thời, chính sách tín dụng cho hộ gia đình cũng cần được định hướng bởi chiến lược phát triển nông thôn phù hợp, ví dụ như chiến lược quy hoạch vùng sản phẩm nông- lâm nghiệp, thủy sản, chính sách mở rộng và ổn định thị trường tiêu thụ đi kèm với chính sách hỗ trợ từ các cơ quan quản lý về kỹ thuật trồng trọt chăn nuôi, kỹ năng quản lý, kinh tế, kiến thức về kinh tế thị trường. Việc tăng cường đầu tư vốn cho lĩnh vực cơ sở hạ tầng giao thông, viễn thông ở các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa tạo điều kiện thuận lợi cho tiêu thụ hàng nông sản, thực phẩm, và người dân ở vùng sâu, vùng xa có điều kiện tiếp cận nguồn vốn ngân hàng và tiếp cận với sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại.

2. Chính sách hỗ trợ giảm thiểu rủi ro trong cho vay hộ gia đình trong xây dựng nông thôn mới tại Việt Nam

2.1. Chính sách hỗ trợ về phía Bộ, ngành, địa phương

Thứ nhất, NHNN cần đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện

Nhu cầu tín dụng của khu vực nông nghiệp nông thôn rất đa dạng bởi họ vừa là hộ sản xuất kinh doanh vừa là hộ tiêu dùng. Việc thúc đẩy tín dụng đối với khu vực nông thôn chỉ mang lại hiệu quả khi có những sản phẩm được thiết kế và triển khai một cách phù hợp với nhu cầu của từng nhóm khách hàng.

Thông tư số 10/2015/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 55/2015/NĐ-CP đối với các TCTD hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp- nông thôn. Cụ thể, Thông tư này đưa ra các chính sách hỗ trợ nguồn vốn cho vay, cơ cấu lại thời hạn nợ, cho vay mới, hồ sơ, trình tự thủ tục khoanh nợ, xóa nợ; tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với tài sản bảo đảm của khoản cho vay nông nghiệp, nông thôn bám sát Nghị định 55/2015/NĐ-CP. Theo đó, khách hàng khó khăn trong việc trả nợ do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng sẽ được TCTD xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ để phù hợp với khả năng trả nợ của khách hàng. Việc giữ nguyên nhóm nợ khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ chỉ được thực hiện một lần đối với một khoản nợ kể từ khi Thông tư có hiệu lực thi hành. Căn cứ theo nội dung hiện hành của Nghị định, Thông tư nêu trên, đồng thời xem xét đến khả năng tài chính của mình, TCTD cần thực hiện các biện pháp hỗ trợ khác (bao gồm cả miễn, giảm lãi vay, lãi quá hạn; ưu tiên thu nợ gốc trước thu nợ lãi sau) nhằm giúp khách hàng khắc phục khó khăn, phục hồi sản xuất kinh doanh. Cùng với đó, Thông tư quy định tỷ lệ khấu trừ đối với tài sản bảo đảm của các khoản cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tối đa bằng 100% so với tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với từng loại tài sản bảo đảm tương ứng của khoản cho vay lĩnh vực khác. Đồng thời, quy định về

các thủ tục, hồ sơ đề nghị xóa nợ đối với trường hợp khách hàng là tổ chức đầu mối thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị và doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được áp dụng các biện pháp hỗ trợ, được khoanh nợ mà vẫn gặp khó khăn, không có khả năng trả nợ, cần xử lý xóa nợ theo quy định tại Nghị định 55/2015/NĐ-CP.

Để được khoanh nợ, xóa nợ, TCTD phải phối hợp với khách hàng lập hồ sơ với đầy đủ giấy tờ cần thiết, có sự xác nhận của UBND cấp tỉnh để báo cáo NHNN chi nhánh. NHNN chi nhánh chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính địa phương thực hiện kiểm tra, đề nghị UBND cấp tỉnh xác nhận số liệu tổng hợp khoanh nợ, xóa nợ trên địa bàn; đồng thời, đề nghị UBND cấp tỉnh có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng gửi NHNN và Bộ Tài chính về việc khoanh nợ, xóa nợ trên địa bàn.

Thứ hai, để giảm thiểu rủi ro trong cho vay hộ gia đình nông thôn, NHNN cần lên kế hoạch phát triển rộng rãi hệ thống thông tin đăng ký giao dịch bảo đảm trên toàn quốc, tránh việc nhiều TCTD cho vay cùng một hộ vượt quá khả năng trả nợ, gây rủi ro cho hộ đó và cho ngân hàng; đồng thời, tăng kiểm soát việc một số người vay là doanh nghiệp dùng vốn vay không đúng mục đích, như đầu tư bất động sản...

Thứ ba, các cấp chính quyền địa phương cũng cần có những động thái thiết thực trong việc khuyến khích, định hướng TCTD mở rộng cho vay thông

qua các cấp hội (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ), vì các ngân hàng không thể bao quát hết được địa bàn, cán bộ ngân hàng đến tận nơi thì không đủ sức. Hội các cấp trên địa bàn cần xây dựng kế hoạch thực hiện các công đoạn ủy thác vốn vay và giám sát sử dụng nguồn vốn đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả; có cán bộ chuyên trách hoạt động ủy thác; mở sổ sách để quản lý chặt chẽ, hiệu quả nguồn vốn; bình xét công khai từng đối tượng vay vốn với sự có mặt của các hộ dân, sự tham gia của trưởng xóm và đại diện chi bộ; tổ chức họp vào ngày quy định để xét thành viên được vay vốn, lập hồ sơ vay vốn; đồng thời, tuyên truyền nắm bắt và triển khai các văn bản mới và quy định về các chương trình vay vốn của ngân hàng; chủ động tổ chức các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất, hoặc lồng ghép kiểm tra hoạt động ủy thác tại các cơ sở Hội, chi hội/tổ, nhằm phát hiện kịp thời những vấn đề phát sinh, những khó khăn, vướng mắc, các trường hợp vi phạm quy định đã thỏa thuận, đồng thời có kế hoạch đôn đốc thu hồi nợ quá hạn, nợ xâm tiêu, chủ động phối hợp với ngân hàng có biện pháp xử lý kịp thời. Hoạt động nhận ủy thác cho vay của các cấp Hội góp phần tích cực khẳng định vai trò và vị trí của Hội; giúp các cấp hội cơ sở có thêm điều kiện về kinh phí phục vụ cho hoạt động Hội, đào tạo, nâng cao kiến thức, năng lực đội ngũ cán bộ Hội và góp phần thu hút tập hợp hội viên tham gia sinh hoạt Hội.

2.2. Giải pháp cho các tổ chức tín dụng nông thôn

Thứ nhất, về quy trình, thủ tục khi cho vay.

Chất lượng tín dụng của nhiều TCTD trên địa bàn 8 tỉnh thành do chúng tôi khảo sát (gồm Thái Bình, Thanh Hoá, Lạng Sơn, Sơn La, Quảng Nam, Đắk Lắk, Cần Thơ và Đồng Nai) vào năm 2016 được đánh giá khá thấp, xuất phát chủ yếu từ nguyên nhân không chấp hành tốt quy trình giải quyết cho vay kể từ khi tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, giải quyết cho vay và kiểm tra sử dụng vốn vay, xử lý các khoản nợ quá hạn, nợ khó đòi. Vì vậy khi xem xét giải quyết cho

lý kịp thời các khách hàng sử dụng vốn sai mục đích hay có hành vi lừa đảo chiếm dụng vốn. Hoàn thiện quy trình tín dụng khoa học và chặt chẽ giúp các cán bộ tín dụng đơn giản hóa khối lượng công việc và giảm thiểu các rủi ro có liên quan đến quá trình cấp tín dụng. Các quỹ cần khắc phục các khiếm khuyết trong quy trình để hạn chế tối đa các rủi ro phát sinh trong các hoạt động của quỹ.

Thứ hai, chất lượng thẩm định, phân tích đánh giá và tư vấn khi cho vay.

Khách vay tại TCTD nông thôn hầu hết là nông dân, hộ sản xuất nhỏ, hạn chế về trình độ sản xuất, kinh doanh. Hơn

Thứ ba, đối tượng cho vay nông nghiệp, nông thôn chủ yếu là nông dân.

Xuất phát từ đặc điểm khách hàng chủ yếu sống ở nông thôn và vay vốn với mục đích sản xuất nông nghiệp, việc cấp tín dụng đối với các khách hàng cần phải gắn với bảo hiểm sản phẩm nông nghiệp nhằm giúp người nông dân tránh được rủi ro do mất mùa, ảnh hưởng của thiên tai đến kết quả SXKD, tổn thất do việc giảm giá của các sản phẩm nông nghiệp. Do đó việc kết hợp các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp với việc cấp tín dụng sẽ đảm bảo nguồn vốn tín dụng không bị thất thoát, tránh được các rủi ro nợ xấu.

Việc cấp tín dụng đối với các khách hàng cần phải gắn với bảo hiểm sản phẩm nông nghiệp nhằm giúp người nông dân tránh được rủi ro do mất mùa, ảnh hưởng của thiên tai đến kết quả SXKD, tổn thất do việc giảm giá của các sản phẩm nông nghiệp

vay, TCTD phải chấp hành đầy đủ quy trình cho vay đã được NHNN quy định; về thủ tục và hồ sơ giải quyết cho vay phải đảm bảo tính hợp lệ và hợp pháp, vừa đảm bảo yêu cầu đơn giản, thuận tiện cho khách hàng vay vốn vừa đảm bảo hạn chế rủi ro.

Giải pháp khắc phục: Trước khi cho vay, TCTD cần nhận thức rõ: ngăn ngừa rủi ro là biện pháp ưu tiên hàng đầu nhằm loại ngay các khách hàng không đủ điều kiện vay vốn (về tư cách đạo đức, khả năng kinh doanh, dự án không có tính khả thi...). Sau khi cho vay, cần có những biện pháp hậu kiểm để phát hiện và xử

nữa hoạt động sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp và nông thôn thường phụ thuộc vào thời tiết, thiên tai, giá cả thị trường nông sản trong nước và thế giới..., vì vậy thường xuyên phải đối mặt với rất nhiều rủi ro.

Giải pháp khắc phục: Cán bộ chuyên trách tại các TCTD hoạt động trên địa bàn xã, huyện cần nâng cao năng lực thẩm định, phân tích đánh giá khách hàng, phương án SXKD, quán triệt và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, coi trọng tất cả các khâu trong quy trình tín dụng để đảm bảo an toàn vốn cho vay, kiểm soát các rủi ro trong hoạt động.

Thứ tư, về quản lý nợ xấu.

Kết quả khảo sát các TCTD trên địa bàn 8 tỉnh Thái Bình, Thanh Hoá, Lạng Sơn, Sơn La, Quảng Nam, Đắk Lắk, Cần Thơ và Đồng Nai vào năm 2016 cho thấy số TCTD có tỷ lệ nợ xấu vượt mức 3% tổng dư nợ là 6,5%, như vậy chưa phải là mức thực sự an toàn. Do đó, các ngân hàng này phải xây dựng chiến lược quản lý nợ xấu trong hoạt động tín dụng của mình bằng cách thường xuyên kiểm tra, rà soát, phân loại nợ quá hạn, nợ khó đòi, phân tích nguyên nhân, thực trạng và khả năng giải quyết các món nợ này trong từng chu kỳ hoạt động

tín dụng để đề ra các giải pháp phù hợp.

Giải pháp khắc phục: Đối với nhân viên tín dụng, cần thường xuyên theo dõi để nắm bắt tình hình sử dụng vốn vay, tình hình tài chính và các rủi ro của khách hàng. Khi khách hàng gặp khó khăn tài chính tạm thời hoặc gặp rủi ro do những nguyên nhân khách quan dẫn đến chưa trả được nợ đúng hạn nhưng vẫn còn khả năng và ý chí trả nợ, ngân hàng cần áp dụng chính sách hỗ trợ như cho vay thêm, điều chỉnh kỳ hạn nợ, gia hạn nợ, giảm lãi... đồng thời tăng cường tư vấn để khách hàng sử dụng vốn hiệu quả hơn. Phát hiện khách hàng không có khả năng thanh toán, chiếm dụng vốn, chi nhánh ngân hàng phải có những biện pháp xử lý kịp thời như tuyên bố đòi nợ, xử lý tài sản đảm bảo, yêu cầu người thứ ba thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, hoặc đề nghị xử lý trước các cơ quan bảo vệ pháp luật theo quy định. Bên cạnh

đó, cần phải trích lập quỹ dự phòng rủi ro kết hợp với theo dõi và đôn đốc thu hồi nợ quá hạn và nợ khó đòi.

Thứ năm, bộ máy kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro. Bộ máy kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro của TCTD hoạt động nhìn chung cần được hoàn thiện hơn nữa. Hơn nữa, trang thiết bị kỹ thuật và ứng dụng công nghệ tin học trong hoạt động còn hạn chế, điều này làm ảnh hưởng rất nhiều đến khả năng cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời và chính xác phục vụ cho công tác quản lý điều hành của chính bản thân ngân hàng và việc kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước.

Giải pháp khắc phục: TCTD cần tăng cường nhân viên kiểm soát nội bộ, đào tạo lại nhằm nâng cao trình độ của các nhân viên này; đồng thời, TCTD cũng cần chấp hành nghiêm chỉnh công tác kiểm soát nội bộ tất cả các khâu trong hoạt động tín dụng.

3. Kết luận

Việc nghiên cứu một cách thực sự chuyên sâu và toàn diện các chính sách và giải pháp tín dụng cho hộ gia đình nông thôn trong xây dựng nông thôn mới tại Việt Nam trên các phương diện cung ứng tín dụng từ hệ thống tài chính nông thôn, quy trình quản lý rủi ro và giám sát tín dụng sau cho vay cũng như hiệu quả của tín dụng cho hộ gia đình đối với khả năng hoàn thành các chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới là mang tính cấp thiết. Bài viết đã đưa ra những nhóm giải pháp dành cho cơ quan quản lý và cho các tổ chức cung ứng vốn tín dụng nhằm hỗ trợ giảm thiểu rủi ro trong cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp- nông thôn trên cơ sở định hướng chính sách tín dụng cho nông hộ Việt Nam trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới. ■

Tài liệu tham khảo

1. Hà Quang Trung, 2014, *Cơ sở khoa học của việc giảm nghèo bền vững cho các hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn*, Luận án Tiến sĩ tại Đại học Thái Nguyên.
2. Lê Kiên Cường, 2013, *Tài chính vi mô hỗ trợ xóa đói giảm nghèo tại tỉnh Đồng Nai đến năm 2020*, Luận án tiến sĩ kinh tế.
3. Ngân hàng Chính sách xã hội, 2014, *Đánh giá ảnh hưởng của chương trình cho vay hộ nghèo đến sản xuất và đời sống của người dân nông thôn*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành.
4. Ngân hàng Thế giới, 2009, *Huy động và sử dụng vốn*, Báo cáo Phát triển Việt Nam.
5. Nghị Định 41/2010/NĐ-CP (Nghị Định 41) “Về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn” thay thế Quyết định số 67/1999/QĐ-TTg, 12/4/2010.
6. Tô Ngọc Hưng, 2015, *Tín dụng ngân hàng đối với nông sản xuất khẩu vùng Đồng bằng Sông Cửu Long*, Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng, số 155- tháng 4/2015.
7. Nguyễn Kim Anh, 2014, *Tài chính vi mô Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị chính sách*, Trung tâm Tư vấn Nguồn lực tài chính vi mô Doanh nghiệp Nhỏ và Vừa (VMFWG), Hà Nội.
8. Nguyễn Ngọc Tuấn, 2013, *Nghiên cứu giải pháp tín dụng của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông đối với hộ sản xuất cà phê*, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
9. Viện Khoa học và xã hội, 2011, *Giảm nghèo ở Việt Nam: Thành tựu và thách thức*, NXB Thế giới.

Thông tin tác giả

Tô Ngọc Hưng, Phó Giáo sư, Tiến sĩ
 Nguyên Giám đốc Học viện Ngân hàng

Email: hungtn@hvn.edu.vn

Nguyễn Đức Trung, Phó Giáo sư, Tiến sĩ

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Email: ndtrunghvn@gmail.com

Summary

Solutions to mitigate the risk of agriculture-rural loans for rural households in Viet Nam

Recognizing the importance of the rural economy in the overall economy, the Communist Party and State of Vietnam have promulgated a number of laws and policies that actively support agricultural and rural development, especially the policies referring to the “New Rural Development Programme”. With its particularly important position, the rural sector has received a lot of investment capital from the state budget, trade credit, preferential loan, and foreign direct investment. Although significant achievements have been made in promoting the development of agriculture and rural areas, contributing to poverty reduction as well as improving livelihoods of farmers; rural credit (especially the households credit) still exists many obstacles and limitations. The share of credit in rural areas remains low compared to the industry average. In addition, existing credit solutions take the form of subsidized and temporary support, rather than sustainable promotion of rural credit growth and household business productivity, especially of the “New Rural Development Programme”. This study introduce credit policy orientations for rural households in the context of the “New Rural Development Programme”, then introduce groups of solutions to mitigate the risk of agriculture-rural loans in Viet Nam.

Key words: loan, new rural, risk, rural household.

Hung Ngoc To, Assoc.Prof. PhD.

Former President of Banking Academy

Trung Duc Nguyen, Assoc.Prof. PhD.

Deputy General Director of Monetary Statistics and Forecasting Department, State Bank of Vietnam